

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	4
1. Tên chủ cơ sở:	4
2. Tên cơ sở:	4
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	5
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	5
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	5
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	5
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:.....	6
4.1. Máy móc, thiết bị	6
4.2. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu.....	6
4.4. Nhu cầu sử dụng nước.....	7
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:	7
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	11
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:.....	11
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	11
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	12
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	12
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	12
1.2. Thu gom, thoát nước thải	14
1.3. Xử lý nước thải.....	15
2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	19
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	21
4. Công trình biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải.....	22

5. Công trình biện pháp giảm thiểu tiếng ồn.....	23
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	23
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Kế hoạch bảo vệ môi trường.	24
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	25
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	28
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.	30
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:	30
2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.	32
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	32
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	35
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	36

DANH MỤC CÁC TỪ, CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

UBND: Ủy ban nhân dân
QCVN: Quy chuẩn Việt Nam
BTNMT: Bộ Tài nguyên Môi trường
CTNH: Chất thải nguy hại
GPXD: Giấy phép xây dựng
XLNT: Xử lý nước thải
BVMT: Bảo vệ môi trường
CBCN: Cán bộ công nhân

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Minh Khiêm.

- Địa chỉ văn phòng: Phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Trần Duy Phương

Chức vụ: Giám đốc.

- Điện thoại: 0977.017979

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 3100161567 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp ngày 18 tháng 2 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 15, ngày 23 tháng 12 năm 2022.

2. Tên cơ sở: Cửa hàng xăng dầu số 5 Minh Khiêm, phường Quảng Long.

Địa điểm cơ sở: Phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Giấy xác nhận nhận Bản kế hoạch bảo vệ môi trường số 361/GXN-UBND do Ủy ban nhân dân thị xã Ba Đồn cấp ngày 29 tháng 8 năm 2016.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 70/TD-PCC do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 04 tháng 4 năm 2017.

- Quyết định số 3942/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cửa hàng xăng số 5 Minh Khiêm, phường Quảng Long thuộc công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Minh Khiêm.

- Quy mô của cơ sở phân loại theo tiêu chí của Pháp luật về Đầu tư công: Phân loại dự án nhóm C – Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại Khoản 5 Điều 8 của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội với tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng.

- Thuộc nhóm III, phụ lục V mục số 2, phần II của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 cơ sở đang hoạt động ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường do đó theo khoản 1, Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ban hành ngày 17/11/2020 cơ sở thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường do UBND thị xã Ba Đồn cấp.

+ Diện tích cơ sở: 8.945,9m²

+ Loại hình hoạt động: Kinh doanh xăng dầu.

+ Số lượng CB, CNV và lao động: Tổng số 4 người.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Cửa hàng xăng dầu số 5 Minh Khiêm, phường Quảng Long đang hoạt động với dung tích chứa 75m³ (trong đó 1 bể chứa xăng 15m³, 1 bể chứa xăng 10m³, 2 bể chứa dầu có dung tích mỗi bể 25m³).

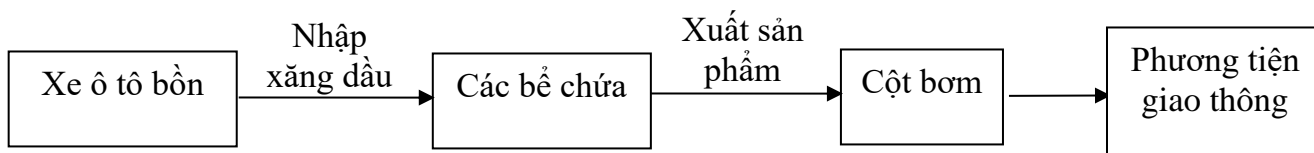
Bảng 1.1. Danh mục xăng, dầu chứa tại kho

TT	Sản phẩm	Số bể	Sức chứa (m ³)
1	Bể chứa xăng A95	01	15
2	Bể chứa xăng A95	01	10
2	Bể chứa dầu DO	02	25

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Do loại hình hoạt động của cơ sở là kinh doanh xăng dầu (nhập xăng dầu và bán lẻ cho khách hàng nên tại cơ sở không có hoạt động sản xuất, vì thế không có quy trình, công nghệ sản xuất tại cơ sở.

a) Quy trình hoạt động của cơ sở



Hình 1.2: Sơ đồ kinh doanh xăng dầu

b) Thuyết minh quy trình:

Xăng dầu được vận chuyển đến cửa hàng bằng ô tô xitec và được nhập vào các bể chứa ngầm bằng hệ thống họng nhập kín và sử dụng hệ thống thu hồi hơi trong quá trình nhập để hạn chế tối đa lượng xăng dầu thất thoát do bay hơi, đồng thời xe xitec được đấu nối với hệ thống tiếp đất đảm bảo dẫn điện tốt để phòng ngừa xuất hiện tĩnh điện gây cháy nổ trong quá trình nhập hàng. Xăng dầu từ bể chứa được cột bơm hút qua hệ thống ống công nghệ bằng thép chôn ngầm dưới đất sau đó bơm trực tiếp cho các phương tiện giao thông của khách hàng với số khách hàng yêu cầu.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

- Cung cấp nhiên liệu xăng A95, dầu DO cho khách hàng. Khối lượng xăng, dầu 75m³/tháng (900 m³/năm).

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Máy móc, thiết bị

Các loại máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động của cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.2. Danh mục máy móc thiết bị sử dụng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Trụ bơm xăng RON95	Cái	1
2	Trụ bơm dầu DO	Cái	2
3	Bồn chứa	Bồn	4
4	Máy phát điện dự phòng	Máy	1

Bảng 1.3. Danh sách phương tiện PCCC tại cơ sở

TT	Loại phương tiện, hệ thống PCCC	Mã hiệu	Đơn vị	Số lượng
1	Bình bột chữa cháy	MFZ8	Bình	6
2	Bình bột chữa cháy	MFZL4	Bình	4
3	Bình chữa cháy xe đẩy	MFTZ35	Bình	2

Ngoài ra, cơ sở còn sử dụng các thiết bị phụ trợ khác phục vụ quá trình hoạt động của cơ sở.

4.2. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu

a) Nguyên, nhiên liệu

Tại cơ sở không diễn ra các hoạt động sản xuất, vì thế nguyên liệu sử dụng tại cơ sở cũng là sản phẩm của cơ sở gồm các loại xăng dầu được cơ sở lưu giữ tại các bể chứa để xuất bán cho khách hàng. Trữ lượng các sản phẩm như sau:

TT	Nguyên liệu (sản phẩm)	Trữ lượng (m³/tháng)	Trữ lượng (m³/năm)
1	Xăng RON95	25	300
2	Dầu DO	50	600
	Tổng cộng	75	900

b. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn năng lượng chủ yếu được sử dụng trong quá trình hoạt động của cửa hàng xăng dầu là điện năng, được lấy từ hệ thống lưới điện lưới chung của xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn.

Khối lượng điện sử dụng hàng ngày: 1.000 kw/tháng.

4.3. Hóa chất sử dụng

Trong trường hợp có sự cố hỏa hoạn xảy ra thì chất tạo bột sử dụng để chữa cháy. Lượng chất tạo bột sử dụng sẽ tùy thuộc vào quy mô của đám cháy.

4.4. Nhu cầu sử dụng nước

- Nước cấp sinh hoạt: Nguồn nước phục vụ cho hoạt động của cơ sở được khai thác từ giếng khoan trong khuôn viên cơ sở.

Do số lượng cán bộ, nhân viên làm việc tại cơ sở tổng cộng 4 người, số khách có nhu cầu đi vệ sinh trong quá trình đổ xăng dầu tại cơ sở khoảng 10 lượt khách/ngày nên lượng nước sử dụng ước tính khoảng 0,3m³/ngày. Mục đích sử dụng nước của cơ sở sử dụng cho hoạt động như rửa tay chân, vệ sinh cá nhân... cho cán bộ công nhân làm việc tại cửa hàng và khách đến đổ xăng dầu.

Bảng 1.4: Thống kê lượng nước sử dụng của cơ sở

	Nguyên liệu	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Nước cấp sinh hoạt	m ³ /ngày đêm	0,3

Do khối lượng nước khai thác nước ngầm tại cơ sở dưới 10m³/ngày đêm nên Công ty không phải làm thủ tục xin cấp phép khai thác nước ngầm theo quy định.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Vị trí địa lý

Cửa hàng xăng dầu số 5 Minh Khiêm, phường Quảng Long thuộc công ty TNHH Thương mại tổng hợp Minh Khiêm nằm bên trục đường nối từ thị xã Ba Đồn ra trung tâm huyện lỵ mới của huyện Quảng Trạch thuộc địa phận phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Toạ độ địa lý khu vực trung tâm là X: 17⁰46'37.9"N; Y: 106⁰24'55.7"E. Cơ sở có các phía tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông Nam giáp đất chưa sử dụng;
- + Phía Tây Bắc giáp với xã Quảng Phương;
- + Phía Đông Bắc giáp đất chưa sử dụng;

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cửa hàng xăng dầu số 5 Minh Khiêm, phường Quảng Long

+ Phía Tây Nam giáp tuyến đường từ Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch rộng 30m.

Tổng diện tích mặt bằng cửa hàng xăng dầu 8.945,9m², trong đó:

+ Phòng giao dịch bán hàng: 800m²

+ Mái che cột bơm: 400m²;

+ Nhà làm việc: 200m²;

+ Khu vệ sinh: 20m²;

+ Diện tích còn lại là: Sân, bể chứa, đường bê tông...



Hình 1.1: Sơ đồ vị trí của cơ sở

5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở

Các hạng mục công trình của cơ sở như sau:

Bảng 3: Thống kê máy móc, thiết bị sử dụng cho việc xử lý môi trường của cơ sở

TT	Thiết bị	ĐVT	Số lượng	Khối lượng
I	Các hạng mục chính			
1	Phòng giao dịch bán hàng	m ²	1	800
2	Mái che cột bơm	m ²	1	400
3	Nhà làm việc	m ²	1	200
3	Khu vệ sinh	m ²	1	20
4	Sân, bể chứa xăng dầu, đường...	m ²	1	7.525,9
II	Các công trình bảo vệ môi trường hiện có (Các công trình bảo vệ môi trường được xây dựng theo đúng yêu cầu của Giấy xác nhận nhận Bản kế hoạch bảo vệ môi trường số 361/GXN-UBND do Ủy ban nhân dân thị xã Ba Đồn cấp ngày 29 tháng 8 năm 2016).			
1	Rãnh thoát nước mưa chảy tràn kích thước 0,4x0,4m được xây bằng bê tông dọc biên giới khu đất cửa hàng sau đó thoát ra hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn chung của tuyến đường từ Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch giáp phía Tây Nam cơ sở.	Hệ thống	1	-
2	Hầm tự hoại bằng BTCT 3 ngăn thu gom xử lý nước thải đen	m ³	1	5,32
3	Khu vực chứa CTNH, kho đặt tại khu vực để máy phát điện dự phòng (kho này được bổ sung thêm nhằm đảm bảo thu gom, bảo quản CTNH theo đúng yêu cầu của thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022	m ²	1	12

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cửa hàng xăng dầu số 5 Minh Khiêm, phường Quảng Long

4	Toàn bộ sân nền khu vực cột bơm được bê tông hoá hoàn toàn, nước mưa chảy tràn qua khu vực nhiễm dầu tại khu vực đặt cột bơm dầu sẽ theo mương thu nước ngầm kích thước 0,4mx0,4m xây bằng bê tông dẫn về 2 bể lắng tách dầu 3 ngăn (DxRxC = 3mx2mx1,25m) để tách váng dầu bằng phương pháp trọng lực. Nước sau khi qua bể tách dầu sẽ tự chảy tràn ra hệ thống thu nước mưa chảy tràn chung của cơ sở rồi chảy ra hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn chung của hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn chung của tuyến đường từ Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch giáp phía Tây Nam cơ sở.	m ²	2	12
---	--	----------------	---	----

Hiện tại các hạng mục công trình chính của Cơ sở và các hạng mục về bảo vệ môi trường đều đang hoạt động tốt, đáp ứng được yêu cầu về kinh doanh và bảo vệ môi trường của Cơ sở.

Ngoài ra, cơ sở còn đầu tư các loại vật tư, trang thiết bị khác để hỗ trợ quá trình thu gom xử lý chất thải.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cửa hàng xăng dầu số 5 Minh Khiêm, phường Quảng Long của TNHH Thương mại tổng hợp Minh Khiêm tại thửa đất số 195, tờ bản đồ số 4, xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Cửa hàng xăng dầu số 5 Minh Khiêm, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn đã được Ủy ban nhân dân thị xã Ba Đồn cấp Giấy xác nhận nhận Bản kế hoạch bảo vệ môi trường số 361/GXN-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2016.

Việc triển khai Cửa hàng xăng dầu số 5 Minh Khiêm, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn là phù hợp với các quy hoạch sau:

- Cơ sở phù hợp với Quyết định phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thị xã Ba Đồn tại Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Ba Đồn;

- Cơ sở phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 về vị trí đầu tư tại khu vực phía Bắc tỉnh, ngành nghề đầu tư thuộc ngành nghề thương mại – dịch vụ,...

Việc xây dựng Cửa hàng xăng dầu số 5 Minh Khiêm, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Theo như chương trình giám sát môi trường được phê duyệt, cơ sở sẽ thực hiện quan trắc không khí xung quanh định kỳ 1 năm/lần. Chủ cơ sở đã phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật đo lường thử nghiệm – sở Khoa học Công nghệ Quảng Bình tiến hành quan trắc không khí môi trường làm việc, không khí xung quanh vào năm 2023, 2024, kết quả quan trắc chất lượng môi trường được trình bày ở Chương 5 của Báo cáo.

Qua kết quả quan trắc cho thấy tất cả các chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn môi trường hiện hành.

Từ đó cho thấy hoạt động của cơ sở không ảnh hưởng đến các hộ dân xung quanh khu vực cũng như không ảnh hưởng đáng kể đến khả năng chịu tải của môi trường xung quanh.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

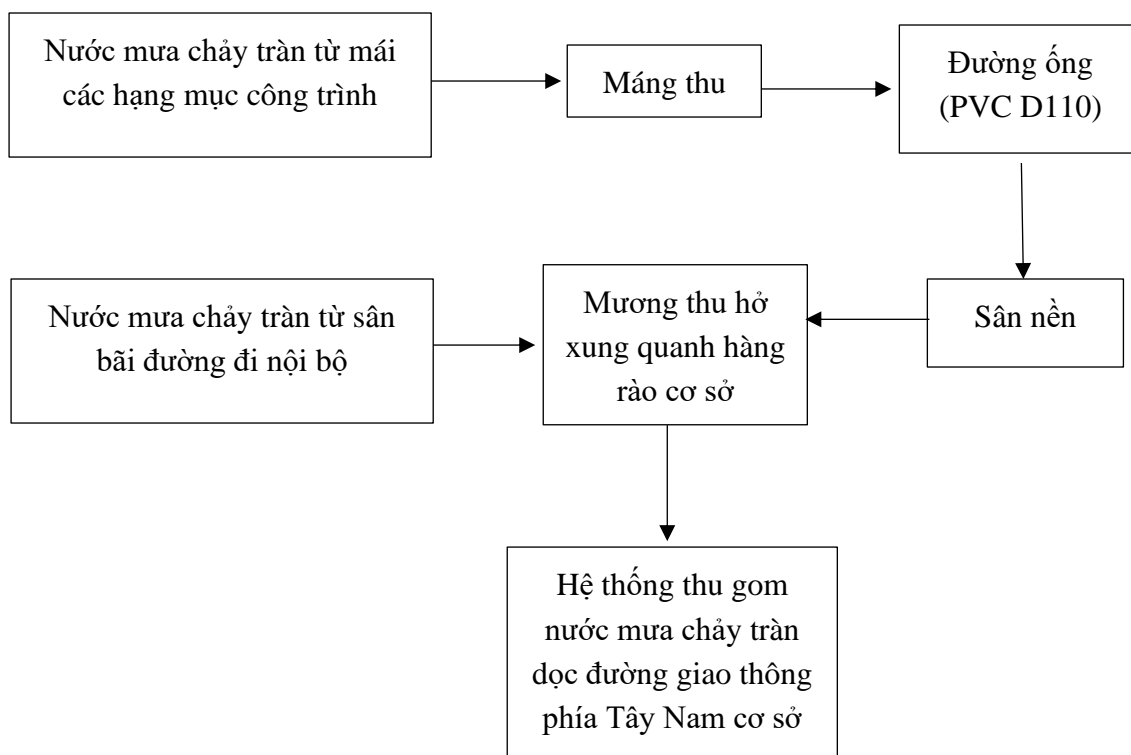
Nước mưa chảy tràn tại cơ sở được phân làm 2 loại:

- Nước mưa không nhiễm dầu: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân bãi, đường đi nội bộ, nhà văn phòng (những nơi không bị nhiễm dầu) và bể chứa xăng dầu (đã lán nền kín, tránh nước mưa chảy tràn xâm nhập).

- Nước mưa nhiễm dầu: Nước mưa chảy tràn qua khu vực đặt trụ bơm xăng dầu. Nước mưa nhiễm dầu được xem như nước thải sản xuất cần được xử lý trước khi thải ra môi trường.

a. Đối với nước mưa chảy tràn không nhiễm dầu:

- Sơ đồ thu gom nước mưa không nhiễm dầu của cơ sở như sau:



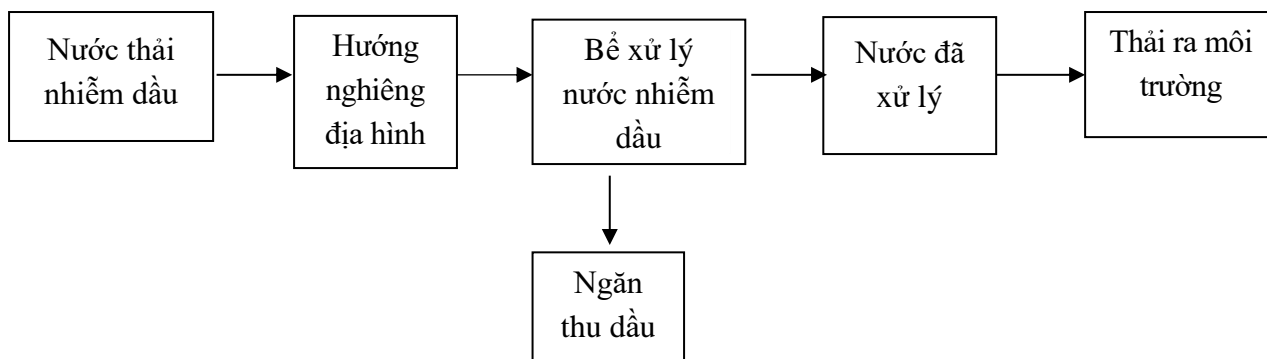
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn không nhiễm dầu tại cơ sở

- Thuyết minh biện pháp thu gom: Nước mưa từ mái các hạng mục công trình được thu gom về máng thu, sau đó theo các đường ống PVD D110 rơi xuống sân nền. Bên cạnh đó, nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân bãi, đường đi nội bộ (những nơi không bị nhiễm dầu) nước mưa theo độ dốc địa hình thoát về mương thu nước

bê tông kích thước 0,4mx0,4m rồi thoát ra hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn chung của tuyến đường từ Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch giáp phía Tây Nam cơ sở.

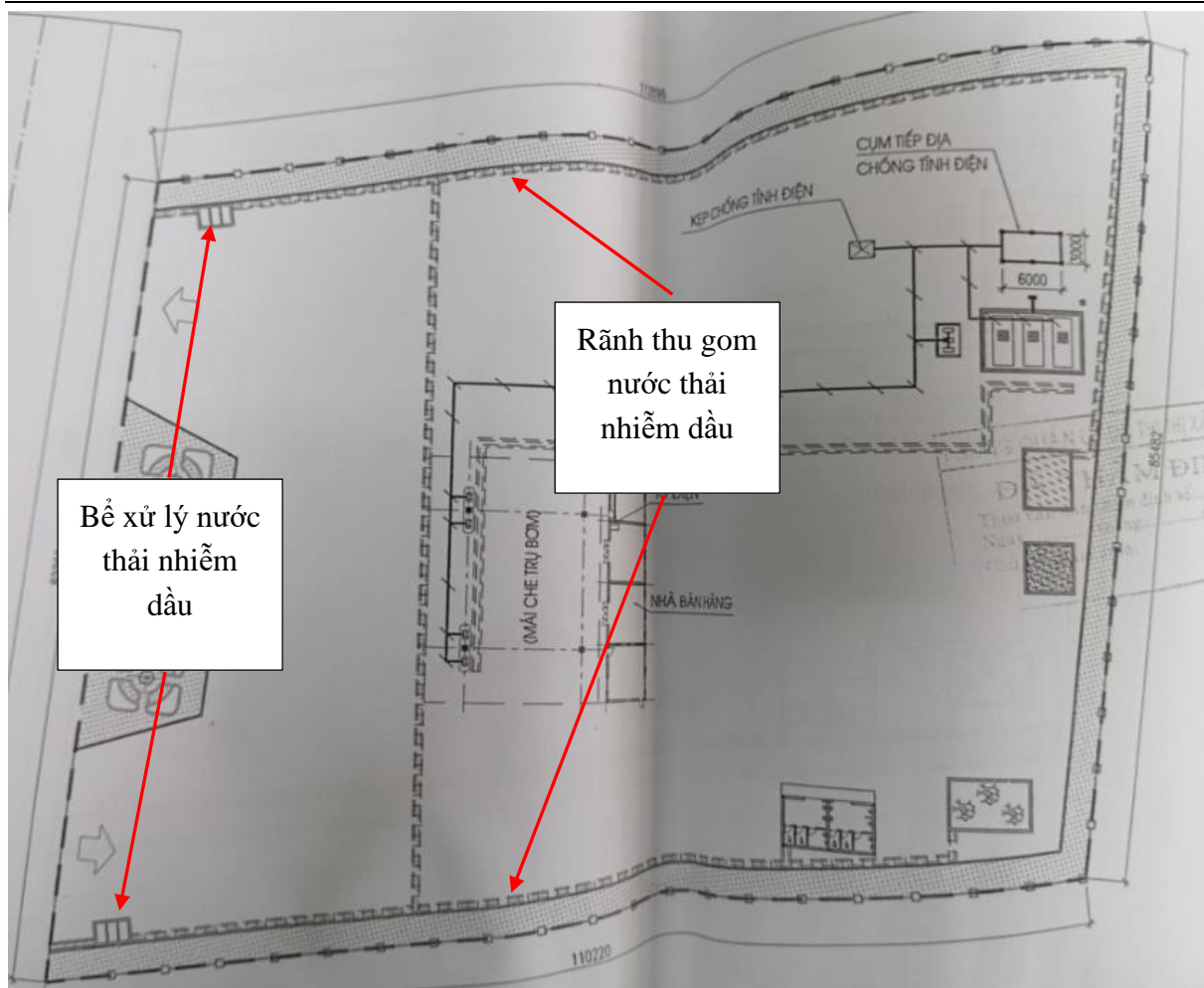
b. Đối với nước mưa chảy tràn nhiễm dầu:

- Nước thải nhiễm dầu được thu gom và thoát với quy trình như sau:



- Thuyết minh biện pháp thu gom: Cơ sở bố trí 2 bể lắng tách dầu 3 ngăn, xây ngầm.

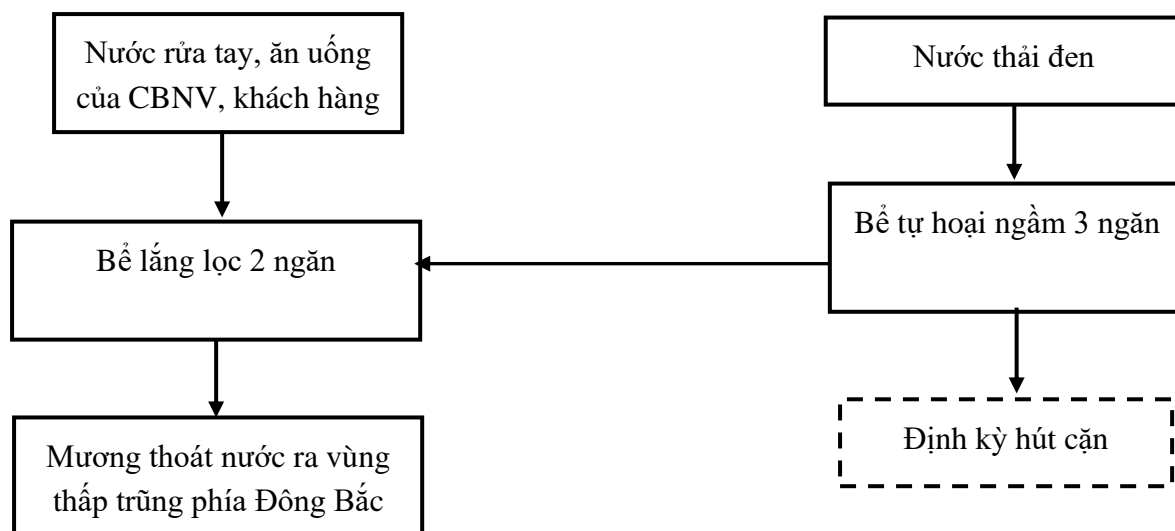
Toàn bộ sân nền khu vực cột bơm được bê tông hoá hoàn toàn, nước mưa chảy tràn qua khu vực nhiễm dầu tại khu vực đặt cột bơm dầu sẽ theo mương thu nước ngầm kích thước 0,4mx0,4m xây bằng bê tông dẫn về 2 bể lắng tách dầu 3 ngăn (DxRxC = 3mx2mx1,25m) ở phía Tây Bắc và Tây Nam để tách váng dầu bằng phương pháp trọng lực, dầu nổi trên mặt nước được thu gom vào thùng đựng rác chuyên dụng. Nước sau khi qua bể tách dầu xử lý đạt quy chuẩn môi trường hiện hành khi đầy sẽ tự chảy tràn ra hệ thống thu nước mưa chảy tràn chung của cơ sở rồi chảy ra hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn chung của hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn chung của tuyến đường từ Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch giáp phía Tây Nam cơ sở.



Hình 3.2: Sơ đồ hệ thống gom nước mưa chảy tràn nhiễm dầu và bể tách dầu của cửa hàng

1.2. Thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

a. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải sinh hoạt



Hình 3.3: Sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt của cửa hàng

b. Thuyết minh

* Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ quá trình làm việc của cán bộ và nhân viên tại cửa hàng, khách hàng đến đổ xăng, lượng xả thải lớn nhất $0,3\text{m}^3/\text{ngày}$.

Để thu gom xử lý cơ sở đã đầu tư xây dựng mạng lưới thu gom, xử lý sơ bộ tại từng nguồn thải. Cụ thể như sau:

- Nước thải đen: Với số lượng cán bộ, nhân viên làm việc tại cơ sở tổng cộng 4 người, số khách có nhu cầu đi vệ sinh trong quá trình đổ xăng dầu tại cơ sở khoảng 10 lượt khách/ngày nên lượng nước sử dụng ước tính khoảng $0,3\text{m}^3/\text{ngày}$, trong đó nước thải đen chiếm 20%, tức là $0,06\text{ m}^3/\text{ngày}$. Lượng nước thải này tại khu vệ sinh được thu gom theo ống dẫn $\Phi 114$ dài 1m vào 01 bể tự hoại 3 ngăn (ngăn chứa $3,52\text{m}^3$, ngăn lắng $0,9\text{m}^3$, ngăn lọc $0,9\text{m}^3$) có tổng dung tích bể $5,32\text{m}^3$ đủ khả năng chứa và xử lý nước thải đen theo quy định. Vị trí bể tự hoại đặt ngầm phía dưới khu nhà vệ sinh chung. Nước thải sau khi qua bể tự hoại sẽ được dẫn tiếp vào bể lắng lọc 2 ngăn để xử lý. Đối với bùn cặn bể tự hoại định kỳ 3 tháng/lần Dịch vụ vệ sinh môi trường Quyết Thắng tại TDP Minh Lợi, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn sẽ đến hút đi xử lý (hợp đồng xử lý được đính kèm phụ lục của Báo cáo).

- Nước thải xám: Nước thải xám phát sinh tại cơ sở chủ yếu là nước rửa tay chân sau khi đi vệ sinh, nước thải từ hoạt động chế biến thức ăn, tắm giặt. Nước thải loại này chiếm khoảng 80% lượng nước thải phát sinh tại cơ sở tức là $0,24\text{ m}^3/\text{ngày}$. Nguồn thải này được thu gom vào bể lắng lọc 2 ngăn sau đó dẫn thoát ra mương thu gom nước thải xây bằng gạch tô vữa xi măng (rộng $0,3\text{m}$, sâu $0,5\text{m}$, dài 35m) của cơ sở rồi ra vùng thấp trũng phía Đông Bắc cơ sở.

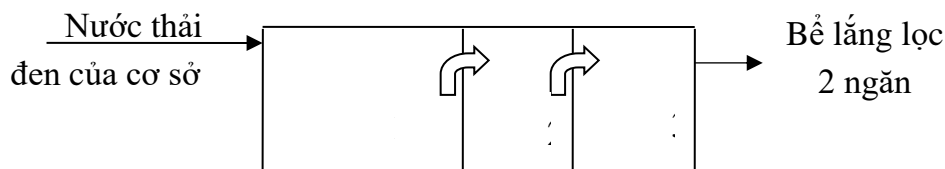
1.3. Xử lý nước thải

a. Xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở

- Xử lý nước thải đen: Nước thải đen phát sinh từ sinh hoạt của cán bộ nhân viên tại cơ sở được thu gom vào 1 bể tự hoại 3 ngăn để xử lý (ngăn chứa $3,52\text{m}^3$, ngăn lắng $0,9\text{m}^3$, ngăn lọc $0,9\text{m}^3$) có tổng dung tích bể $5,32\text{m}^3$. Tại bể tự hoại, nước thải đen phát sinh chảy vào ngăn chứa nước thải có dung tích $3,52\text{m}^3$ ngăn này có chức năng chứa chất thải, tại đây diễn ra quá trình phân hủy các chất thải thông qua quá trình yếm khí và vi khuẩn yếm khí thúc đẩy quá trình lên men phân tách và tạo chất khí. Sau đó lớp cặn nhỏ chưa lắng được chuyển qua ngăn thứ 2 là ngăn lắng có dung tích $0,9\text{m}^3$. Tạp chất và các chất chưa phân hủy được lắng xuống phía dưới còn phần nước trong chảy sang ngăn thứ 3 để lọc các cặn còn sót lại có dung tích $0,9\text{m}^3$. Bể tự hoại có kết cấu BTCT, tường xây gạch đặc, đáy và thành

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cửa hàng xăng dầu số 5 Minh Khiêm, phường Quảng Long

bể được trát vữa xi măng dày 20mm đảm bảo nước thải không bị rò rỉ ra ngoài. Nước thải đen phát sinh tại bể tự hoại sẽ được làm sạch nhờ hai quá trình lắng cặn và lên men cặn và cho hiệu suất xử lý cao. Nước thải đen sau đó được dẫn vào bể lắng lọc 2 ngăn để tiếp tục xử lý.



Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại

- Nước thải xám: Nguồn thải này được thu gom vào bể lắng lọc 2 ngăn sau đó dẫn thoát ra mương thu gom nước thải xây bằng gạch tô vữa xi măng (rộng 0,3m, sâu 0,5m, dài 35m) của cơ sở rồi ra vùng thấp trũng phía Đông Bắc cơ sở.

* Điểm xả thải sau xử lý:

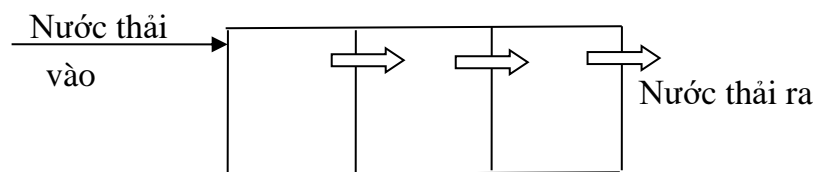
Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại bể lắng lọc 2 ngăn theo mương dẫn ra vùng thấp trũng phía Đông Bắc cơ sở.

Vị trí điểm xả thải có tọa độ địa lý theo hệ VN 2000, múi chiều 3⁰, kinh tuyến 106⁰ như sau: X(m) = 1966.329; Y(m) = 543.910.



Hình 3.4: Vị trí điểm xả nước thải sinh hoạt trên bản đồ google map

b. Xử lý nước thải nhiễm dầu của cơ sở



Hình 3.5: Sơ đồ công nghệ xử lý nước nhiễm dầu của cơ sở

Thuyết minh sơ đồ công nghệ:

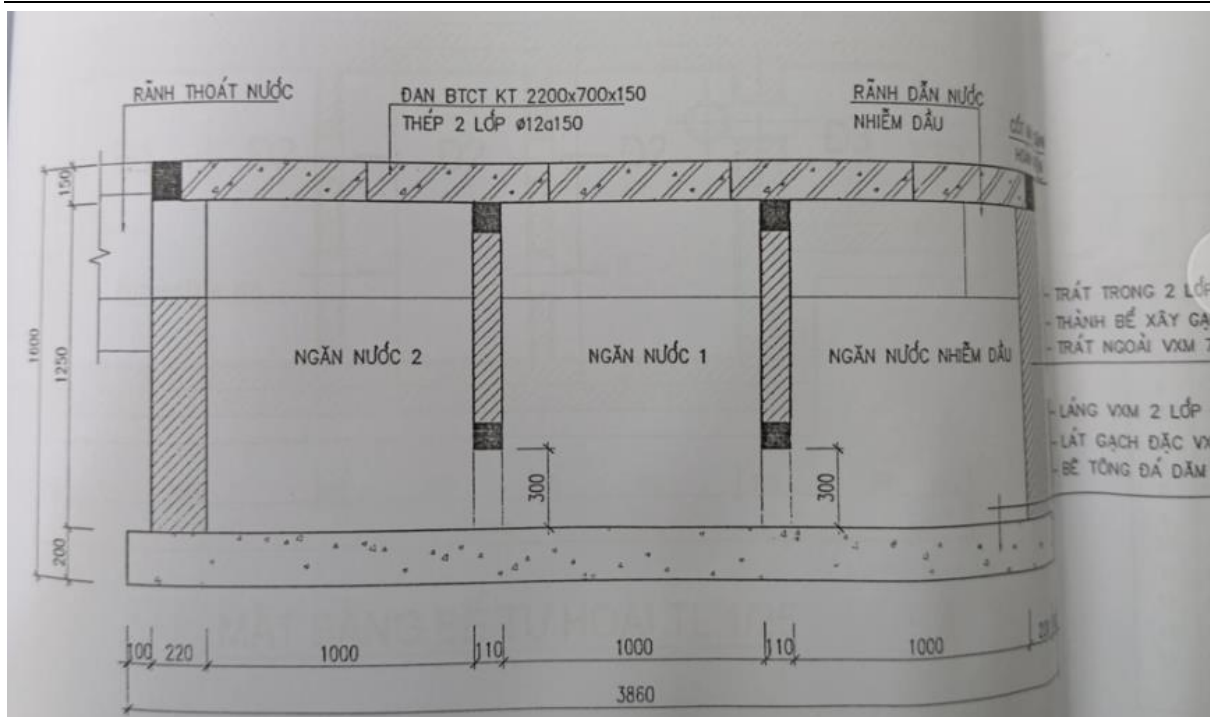
Toàn bộ sân nền khu vực bể chứa được bê tông hoá hoàn toàn, nước mưa chảy tràn qua khu vực nhiễm dầu sẽ theo hướng nghiêng địa hình chảy về bể lắng tách dầu 3 ngăn ($D \times R \times C = 3m \times 2m \times 1,25m$). Bể tách dầu hoạt động dựa vào nguyên tắc trọng lực, cái gì nhẹ hơn nước thì nổi ở trên bề mặt nước, nước nhiễm dầu sau khi vào bể này dầu nhẹ hơn nước bắt đầu nổi lên mặt nước tạo thành váng và sẽ dùng phương pháp vớt thủ công, sau đó thu gom vào thùng đựng rác chuyên dụng. Nước sau khi qua bể tách dầu xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu sẽ tự chảy tràn ra hệ thống thoát nước mưa chung của cửa hàng rồi chảy ra hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn chung của tuyến đường từ Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch giáp phía Tây Nam cơ sở. Quy trình vận hành của bể không sử dụng hoá chất. Với diện tích khu vực đặt cột bơm xăng dầu $400m^2$, lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất tại khu vực $634mm/tháng$ (năm 2020) trung bình $21,1mm/ngày$ thì lượng nước mưa chảy tràn nhiễm dầu lớn nhất là:

$$400m^2 \times 21,1mm/ngày \times 10^{-3} \sim 8,0m^3/ngày$$

+ Vị trí bố trí: Bể xử lý nước nhiễm dầu đặt tại phía Tây Bắc và phía Tây Nam của cửa hàng.

+ Công suất thiết kế: Bể xử lý nước thải nhiễm dầu công suất $7,5m^3/ngày$.

+ Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ tuyển nổi bằng phương pháp trọng lực.



Hình 3.6: Bể tách dầu của cơ sở

Cơ sở không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc tự động theo khoản 2, điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Kích thước các bể như sau:

Hạng mục	Thể tích ngăn 1 (m ³)	Thể tích ngăn 2 (m ³)	Thể tích ngăn 3 (m ³)	Thể tích bể (m ³)
Bể tách dầu	2,5	2,5	2,5	7,5
Bể tự hoại	3,52	0,9	0,9	5,32

* Điểm xả thải sau xử lý:

- Tại phía Tây Bắc và Tây Nam của hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn chung của tuyến đường từ Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch giáp phía Tây Nam cơ sở.

Vị trí điểm xả thải có tọa độ địa lý theo hệ VN 2000, múi chiều 3⁰, kinh tuyến 106⁰ như sau:

+ Tại điểm phía Tây Nam: X(m) = 1966.385; Y(m) = 543.774.

+ Tại điểm phía Tây Bắc: X(m) = 1966.439; Y(m) = 543.746.

Hiện tại cơ sở chưa có biển báo tại điểm xả thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, nên sau khi Giấy

phép môi trường này được cấp Chủ cơ sở sẽ cấm biển báo tại điểm xả thải của cơ sở có ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.



Hình 3.7: Vị trí điểm xả nước thải nhiễm dầu trên bản đồ google map

Chủ cơ sở sẽ thường xuyên nạo vét hệ thống thoát nước mưa chảy tràn trước mùa mưa lũ để đảm bảo hệ thống này thu gom hết nước mưa chảy tràn từ cơ sở tránh gây ngập úng cục bộ cửa hàng, định kỳ thuê đơn vị có chức năng nạo vét, hút bùn từ các bể xử lý (bể phốt, bể tách dầu, khoảng 3 tháng/lần) để tăng hiệu quả thu gom, xử lý nước thải.

2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Đối với cơ sở chỉ phát sinh chất thải rắn sinh hoạt từ quá trình làm việc, ăn uống của cán bộ nhân viên và bùn lắng tại các bể xử lý.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: bao bì, túi ni lông, thức ăn thừa, giấy vụn... phát sinh từ quá trình làm việc của cán bộ công nhân của cơ sở.

Với số lượng cán bộ và nhân viên làm việc tại cơ sở một ngày là 4 người và khối lượng chất thải phát sinh 1,2kg/ngày (tương đương 438 kg/năm).

+ Bùn lắng ở bể tự hoại: các thành phần vô cơ không tan của chất thải sau xử lý cùng với xác vi sinh vật sẽ được lắng xuống đáy bể xử lý hình thành lớp bùn ở đây; bùn lắng làm giảm thể tích xử lý của bể, do đó, cần phải hút bỏ định kỳ. Với tổng dung tích bể tự hoại 5,32m³, ước tính lượng bùn thải hằng năm tại bể tự hoại chiếm khoảng 10% dung tích bể, tức là khoảng 0,53m³, như vậy tổng lượng bùn thải hằng năm là 0,53m³ (tương đương 0,74 tấn/năm = 740 kg). Do quy trình hút khép kín bằng phương tiện chuyên dụng thì bùn thải gây tác động đến môi trường không khí khu vực cơ sở trong quá trình hút không đáng kể. Bùn được hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút đi xử lý nên cũng không gây tác động tiêu cực đến môi trường.

* Công trình thu gom tại cơ sở:

- Đặt 2 thùng thu gom rác thể tích 5 lít có nắp đậy tại văn phòng làm việc, khu vực cột bơm xăng dầu để thu gom rác sinh hoạt của cơ sở.

- Đối với các loại chất thải không tận dụng được: Hiện nay, Công ty đã trả phí cho đội thu gom rác sinh hoạt chung của địa phương thu gom và đưa về bãi rác chung của huyện để xử lý. Tần suất thu gom 1 lần/tuần.

- Đối với bùn thải định kỳ thuê đơn vị có chức năng nạo vét, hút bùn từ các bể tự hoại, khoảng 3 tháng/lần) và vận chuyển đi xử lý để tăng hiệu quả thu gom, xử lý nước thải, tuyệt đối không phơi bùn tại khu vực cơ sở để hạn chế bị nước mưa chảy tràn cuốn ra môi trường cũng như bị gió phát tán bụi ra môi trường xung quanh vào thời điểm khu vực khô nóng, nhiều gió.

- Thống kê chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Bảng 4: Thống kê chất thải rắn thông thường

TT	Nhóm CTR	Số lượng (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTR	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong sinh hoạt thường ngày tại cơ sở.	438	Đội thu gom rác chung của địa phương	
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	740	Thuê đơn vị có chức năng hút đi xử lý	

Tổng khối lượng	1.178		
------------------------	--------------	--	--

Đối với vấn đề thu gom rác thải sinh hoạt thì Cơ sở trả phí cho đội thu gom rác sinh hoạt chung của địa phương thu gom và đưa về bãi rác chung của huyện để xử lý. Tần suất thu gom 1 lần/tuần.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở hiện tại là các loại giẻ lau dính dầu mỡ. Khối lượng giẻ lau có dính dầu mỡ được thải bỏ khoảng 1kg/tháng (12kg/năm).

Ngoài giẻ lau dính dầu mỡ, quá trình hoạt động của cơ sở còn phát sinh một số loại bóng đèn huỳnh quang, pin hỏng không sử dụng được và bùn thải từ bể tách dầu. Khối lượng chất thải này rất nhỏ và không cố định, tùy thuộc vào tuổi thọ của các loại trên.

Bể tách dầu mỗi bể 7,5m³, 2 bể là 15 m³ ước tính lượng bùn thải hằng năm tại bể tách dầu chiếm khoảng 1% dung tích bể, tức là khoảng 0,15m³ (tương đương 0,21 tấn = 210 kg).

Bảng 5: Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng)	Số lượng TB năm (kg)	Mã số CTNH	Ghi chú
1	Pin, hộp mực in thải	Rắn	1	16 01 12	Khi có hư hỏng
2	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	12	18 02 01	Sau các đợt bảo dưỡng
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	0,5	16 01 06	Khi có hư hỏng
4	Bùn thải nhiễm dầu	Rắn	210	170502	Khi hút bùn định kỳ
	Tổng		223,5		

Chất thải nguy hại gồm giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hư hỏng, pin thải, hộp mực thải...hiện được thu gom vào 2 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, dung tích chứa hữu ích 60 lít được tại khu vực nhà để máy phát điện dự phòng, có mái che kín, cửa khoá, dán nhãn cảnh báo CTNH, nền tráng xi măng cao hơn sân nền xung quanh khoảng 30cm để chờ đơn vị có chức năng đến vận chuyển đi xử lý.

Chất thải nguy hại của cơ sở phát sinh khoảng 223,5 kg/năm sẽ được lưu giữ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cửa hàng xăng dầu số 5 Minh Khiêm, phường Quảng Long

và thu gom theo đúng quy định của thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hiện tại, Chủ cơ sở đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải nguy hại với Công ty cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama tại Khu kinh tế Dung Quất xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (hợp đồng được đính kèm ở Phụ lục của Báo cáo).



Hình 3.8: Kho chứa CTNH và thùng thu gom CTNH

4. Công trình biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

** Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông*

Chủ cơ sở đã và đang thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh như sau:

- Toàn bộ cơ sở hiện tại nền đã được bê tông hoá và thường xuyên quét dọn vệ sinh để hạn chế bụi cuốn phát sinh khi có gió.
- Trang bị bảo hộ lao động cần thiết như khẩu trang, áo quần bảo hộ... cho nhân viên làm việc tại cơ sở.
- Các phương tiện giao thông khi lưu thông được đăng kiểm định kỳ theo quy định, đạt các quy chuẩn và tiêu chuẩn khí thải, tiếng ồn theo điều lệ trật tự an toàn giao thông đường bộ và an toàn giao thông đô thị được ban hành.

** Giảm thiểu hơi xăng dầu*

- Công ty đã lắp đặt các đường ống dẫn xăng dầu bằng thép, đảm bảo kín.
- Xuất nhập hàng đúng quy trình kỹ thuật theo quy định của ngành xăng dầu để tránh thất thoát và nguy cơ gây cháy nổ.
- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng đường ống công nghệ và bể chứa.
- Lắp các van thở cho các bể chứa xăng dầu theo đúng quy định kỹ thuật nhằm kiểm soát áp suất dư và áp suất chân không trong bể để đảm bảo an toàn cho các bể chứa và chống tổ thất do bay hơi xăng dầu trong quá trình vận hành.

5. Công trình biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Khi các phương tiện ra vào cơ sở hạn chế các phương tiện bấm còi tùy tiện.
- Sử dụng các phương tiện giao thông phải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định tại Quyết định số 4134/2001/QĐ-BGTVT ngày 05/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông - Vận tải ban hành Tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Bảo dưỡng, lau chùi máy phát điện, máy quạt để giảm tiếng ồn phát sinh, đối với máy phát điện dự phòng được đặt trong kho kín để hạn chế phát sinh tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Các công trình phòng chống cháy nổ

Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Minh Khiêm đã lập hồ sơ thẩm duyệt về Phòng cháy chữa cháy và đã được Công an tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy.

Công ty đã xây dựng, lắp đặt đầy đủ các công trình phục vụ phòng cháy chữa cháy theo hồ sơ đã được thẩm duyệt. Các công trình phòng cháy chữa cháy đã được lắp đặt tại dự án bao gồm:

Bảng 6: Tổng hợp các thiết bị PCCC đã lắp đặt tại cơ sở

STT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Bình MFZ8	Bình	6
2	Bình MFZL4	Bình	4
2	Bình bột chữa cháy MFTZ35	Bình	2
3	Chăn chiên chữa cháy	Cái	6

5	Bể cát, nước chữa cháy	Bể	1
---	------------------------	----	---

6.2. Biện pháp giảm thiểu sự cố tràn dầu

- Công ty đã lập Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trình UBND tỉnh phê duyệt.
- Thực hiện tốt các nội quy, quy trình vận hành, tuyên truyền giáo dục, phổ biến cho cán bộ, công nhân ý thức bảo vệ môi trường, hiểu rõ nguy hiểm khi xảy ra sự cố tràn dầu.

- Thành lập Ban chỉ huy và Đội ứng phó sự cố tràn dầu.

- Định kỳ phối hợp với các lực lượng chức năng tổ chức các đợt diễn tập ứng phó

6.3. Sự cố sụt lún, nổi các bể chứa xăng dầu

- Trong quá trình hoạt động của các bể chứa chủ dự án sẽ cắt cử cán bộ chuyên trách kiểm tra thường xuyên, nếu phát hiện ra sự cố sụt lún bể chứa nào thì chủ cơ sở sẽ kịp thời hút hết xăng, dầu chứa tại các bể đó để tránh xăng, dầu bị rò rỉ ra môi trường gây ô nhiễm môi trường và gây độc cho sinh vật, đồng thời báo cáo với các đơn vị chức năng cùng phối hợp xử lý sự cố.

- Đối với sự cố nổi các bể chứa xăng dầu: Trong quá trình thi công các bể chứa xăng dầu đã sử dụng bê tông để xử lý chống nổi cho các bể chứa.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Kế hoạch bảo vệ môi trường.

Bảng 7: Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Kế hoạch bảo vệ môi trường của cơ sở

TT	Tên công trình	Phương án đề xuất trong Kế hoạch BVMT	Phương án điều chỉnh thay đổi đã thực hiện
1	Kho lưu giữ chất thải nguy hại	Không bố trí	Chất thải nguy hại được lưu giữ tại nhà chứa máy phát điện dự phòng

Nhận xét:

Trong Kế hoạch BVMT không đánh giá phát sinh chất thải nguy hại nên không bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại, tuy nhiên quá trình hoạt động của Cơ sở có phát sinh chất thải nguy hại nên chủ cơ sở đã bố trí thêm kho lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.

+ Nguồn số 02: Nước thải nhiễm xăng dầu.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 8,3 m³/ngày đêm tương đương 0,35 m³/giờ (Trong đó: Nước thải sinh hoạt là 0,3m³/ngày đêm, nước thải nhiễm xăng dầu là 8 m³/ngày đêm).

- Dòng nước thải: 2 dòng

+ 01 dòng nước thải sinh hoạt sau khi qua hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

+ 01 dòng nước thải nhiễm xăng dầu sau khi xử lý qua bể lắng dầu.

Số lượng dòng nước thải là 2 dòng.

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải sinh hoạt

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt – <i>Cột B</i> (khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt) (K = 1,2) C _{max}	Tần suất quan trắc định kỳ (lần/năm)
1	pH	-	5 - 9	01
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60	01
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	01
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1200	01
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8	01
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	01
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	60	01
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	01
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	01
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12	01
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5000	01

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải nhiễm xăng dầu

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 29:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu – <i>Cột B (cửa hàng không có dịch vụ rửa xe)</i>	Tần suất quan trắc định kỳ (lần/năm)
1	pH	-	5,5-9	01
2	TSS	mg/l	120	01
3	COD	mg/l	150	01
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	30	01

- Vị trí quan trắc:

+ Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

+ Tại đầu ra của bể lắng dầu.

- Số lượng mẫu quan trắc: 03 mẫu.

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải:

. Nước thải sinh hoạt: Nước thải sau khi qua xử lý sẽ theo mương thu gom nước thải xây bằng gạch tô vữa xi măng (rộng 0,3m, sâu 0,5m, dài 35m) của cơ sở rồi ra vùng thấp trũng phía Đông Bắc cơ sở. Vị trí xả thải tại phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn. Vị trí điểm xả thải có tọa độ địa lý X(m) =1966.329; Y(m) = 543.910.

. Nước thải nhiễm xăng dầu:

Tại khu vực phía Tây Nam: Nước thải sau khi qua xử lý sẽ theo mương thu kích thước 0,4mx0,4m, chiều dài khoảng 3m, chảy ra hệ thống thu nước mưa chảy tràn hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn chung của tuyến đường từ Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch giáp phía Tây Nam cơ sở. Vị trí điểm xả thải có tọa độ địa lý theo hệ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến 106⁰ X(m) =1966.385; Y(m) = 543.774.

Tại khu vực phía Tây Bắc: Nước thải sau khi qua xử lý sẽ theo mương thu kích thước 0,4mx0,4m, chiều dài khoảng 3m, chảy ra hệ thống thu nước mưa chảy tràn hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn chung của tuyến đường từ Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch giáp phía Tây Nam cơ sở. Vị trí điểm xả thải có tọa độ địa lý theo hệ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến 106⁰ X(m) =1966.439; Y(m) = 543.746.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Nguồn tiếp nhận nước thải:

. Nước thải sinh hoạt: Vùng thấp trũng phía Đông Bắc cơ sở thuộc phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn.

. Nước thải nhiễm dầu: hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn chung của tuyến đường từ Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch thuộc phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn.

- Chế độ xả thải: Liên tục 24 giờ.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Cơ sở không phát sinh khí thải trong quá trình sản xuất nên chúng tôi không đề xuất nội dung cấp phép khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 01: Tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng

- Vị trí phát sinh:

Nguồn phát sinh	Tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 MC 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
Nguồn số 01	1966.308	543.870

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn đề nghị cấp phép:

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 -6giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	-	Khu vực thông thường

CHƯƠNG V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải nhiễm dầu

Hiện nay cơ sở chưa quan trắc định kỳ nước thải nhiễm dầu

2. Kết quả quan trắc định kỳ bụi, khí thải

Bảng 5.1: Kết quả quan trắc bụi, khí thải của cơ sở

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị đo	Kết quả			QCVN 05:2023/BTNMT
			K ₁	K ₂	K ₃	
Năm 2023						
1	TSP	mg/m ³	0,06	0,06	0,09	≤ 0,3
2	SO ₂	mg/m ³	-	-	0,012	≤ 0,35
3	NO ₂	mg/m ³	-	-	0,017	≤ 0,2
4	CO	mg/m ³	-	-	<3	≤ 30
Năm 2024						
1	TSP	mg/m ³	0,12	0,09	0,15	≤ 0,3
2	SO ₂	mg/m ³		-	<0,001	≤ 0,35
3	NO ₂	mg/m ³	-	-	0,012	≤ 0,2
4	CO	mg/m ³	-	-	<3	≤ 30

Ghi chú:

Ghi chú:

* Dấu “-“ thể hiện không quan trắc.

* Năm 2023:

- Ngày lấy mẫu 26/4/2023.

* Năm 2024:

- Ngày lấy mẫu 29/5/2024.

- Vị trí lấy mẫu:

- K₁: Tại khu đất trống tiếp giáp phía Đông Nam cửa hàng.

- K₂: Tại khu vực văn phòng.

- K₃: Khu vực bán hàng.

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường không khí

Nhận xét: Từ Bảng trên cho thấy chất lượng bụi khí thải theo kết quả quan trắc định kỳ so sánh với QCVN 05:2023/BTNMT cho thấy các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép.

CHƯƠNG VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Tên công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Hiệu quả dự kiến đạt được
Hệ thống thu gom và xử lý nước thải nhiễm xăng dầu	02/2025	04/2025	- Nước thải nhiễm xăng dầu sau xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (Cột B, cửa hàng không có dịch vụ rửa xe). - Hệ thống xử lý nước thải đạt 90% hiệu suất thiết kế.
Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt	02/2025	04/2025	- Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, k=1,2). - Hệ thống xử lý nước thải đạt 90% hiệu suất thiết kế.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, vì vậy theo khoản 5, điều 21 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, chủ dự án sẽ phối hợp với đơn vị quan trắc môi trường tiến hành lấy ít nhất 3 mẫu đơn nước thải đầu ra của HTXLNT (3 ngày liên tiếp) với tần suất 01 ngày/lần, cụ thể:

a. Đối với nước thải nhiễm xăng dầu:

- Lấy mẫu lần 1: Ngày 21 tháng 4 năm 2025.

Vị trí lấy mẫu nước thải nhiễm xăng dầu: Nước thải đầu ra của bể lắng dầu.

Chỉ tiêu phân tích: pH, TSS, COD, dầu mỡ khoáng.

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 29:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (Cột B, cửa hàng không có dịch vụ rửa xe).

- Lấy mẫu lần 2: Ngày 22 tháng 4 năm 2025.

Vị trí lấy mẫu nước thải nhiễm xăng dầu: Nước thải đầu ra của bể lắng dầu.

Chỉ tiêu phân tích: pH, TSS, COD, dầu mỡ khoáng.

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 29:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (Cột B, *cửa hàng không có dịch vụ rửa xe*).

- Lấy mẫu lần 3: Ngày 23 tháng 4 năm 2025.

Vị trí lấy mẫu nước thải nhiễm xăng dầu: Nước thải đầu ra của bể lắng dầu.

Chỉ tiêu phân tích: pH, TSS, COD, dầu mỡ khoáng.

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 29:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (Cột B, *cửa hàng không có dịch vụ rửa xe*).

Trong trường hợp vì lý do khách quan chưa thực hiện lấy mẫu quan trắc được (lượng nước thải đầu ra chưa có) thì đơn vị sẽ có văn bản báo cáo điều chỉnh thời gian quan trắc cho phù hợp với thực tế hoạt động.

b. Đối với nước thải sinh hoạt:

- Lấy mẫu lần 1: Ngày 21 tháng 4 năm 2025.

Vị trí lấy mẫu nước thải sinh hoạt: Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

Chỉ tiêu phân tích: pH, TSS, BOD₅, Amoni, Nitrat, photphat, dầu mỡ, Coliforms.

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, k = 1,2).

- Lấy mẫu lần 2: Ngày 22 tháng 4 năm 2025.

Vị trí lấy mẫu nước thải sinh hoạt: Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

Chỉ tiêu phân tích: pH, TSS, BOD₅, Amoni, Nitrat, photphat, dầu mỡ, Coliforms.

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, k = 1,2).

- Lấy mẫu lần 3: Ngày 23 tháng 4 năm 2025.

Vị trí lấy mẫu nước thải sinh hoạt: Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

Chỉ tiêu phân tích: pH, TSS, BOD₅, Amoni, Nitrat, photphat, dầu mỡ, Coliforms.

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, k = 1,2).

Trong trường hợp vì lý do khách quan chưa thực hiện lấy mẫu quan trắc được (lượng nước thải đầu ra chưa có) thì đơn vị sẽ có văn bản báo cáo điều chỉnh thời gian quan trắc cho phù hợp với thực tế hoạt động.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cửa hàng xăng dầu số 5 Minh Khiêm, phường Quảng Long

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

+ Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật Hatico Việt Nam

- Địa chỉ: Số 2 đường Đức Diển, phường Phúc Diển, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

* Nước thải nhiễm xăng dầu:

- Thời gian quan trắc:

+ 1 năm/lần

- Tần suất quan trắc: 1 năm một lần hoặc khi có sự cố theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

- Số lượng mẫu quan trắc: 01 mẫu đầu ra hệ thống xử lý.

- Vị trí quan trắc:

Bảng 6.1. Thống kê vị trí quan trắc nước thải nhiễm xăng dầu

TT	Tên điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả vị trí quan trắc
			Kinh độ	Vĩ độ	
1	Tại đầu ra của bể lắng dầu	1 năm/lần	Y(m) = 543.774	X(m) = 1.966.385	Đầu ra của bể lắng dầu

- Thông số quan trắc:

Bảng 6.2. Danh mục thông số quan trắc nước thải nhiễm xăng dầu

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 29:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu – Cột B (cửa hàng không có dịch vụ rửa xe)
1	pH	-	5,5-9
2	TSS	mg/l	120
3	COD	mg/l	150
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	30

* Nước thải sinh hoạt:

- Quan trắc nước thải: Vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

- Thời gian quan trắc:

+ 1 năm/lần

- Tần suất quan trắc: 1 năm một lần hoặc khi có sự cố theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

- Số lượng mẫu quan trắc: 01 mẫu đầu ra hệ thống xử lý.
- Vị trí quan trắc:

Bảng 6.3. Thống kê vị trí quan trắc nước thải sinh hoạt

TT	Tên điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả vị trí quan trắc
			Kinh độ	Vĩ độ	
1	Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	1 năm/lần	Y(m) = 543.879	X(m) = 1.966.326	Đầu ra của bể lắng lọc

- Thông số quan trắc:

Bảng 6.4. Danh mục thông số quan trắc nước thải sinh hoạt

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt – <i>Cột B (khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt)</i> ($K = 1,2$) C_{max}	Tần suất quan trắc định kỳ (lần/năm)
1	pH	-	5 - 9	01
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60	01
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	01
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1200	01
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8	01
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	01
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	60	01
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	01
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	01
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12	01
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5000	01

b. Quan trắc độ ồn

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ.

c. Quan trắc khí thải

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ.

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong năm 2021, 2022 và 2023 không có hoạt động kiểm tra, thanh tra về Bảo vệ môi trường đối với cơ sở.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chủ cơ sở cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan đến cơ sở và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường có liên quan.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình hoạt động của cơ sở.
- Cam kết thực hiện đúng đầy đủ các nội dung trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.
- Cam kết thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường, các công trình xử lý môi trường được đề xuất trong Báo cáo.
- Cam kết phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng để đảm bảo an ninh trật tự, chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Bản vẽ mặt bằng thu gom và thoát nước, bản vẽ thiết kế các bể XLNT;
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC;
- Quyết định phê duyệt Bản Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án;
- Hợp đồng thu gom chất thải nguy hại;
- Test kết quả quan trắc định kỳ tại cơ sở năm 2023, 2024.